

TỦ SÁCH KIẾN THỨC CƠ SỞ VỀ ĐIỆN TỬ VIỄN THÔNG

Viba Số

TẬP 2

(TÁI BẢN LẦN 5)

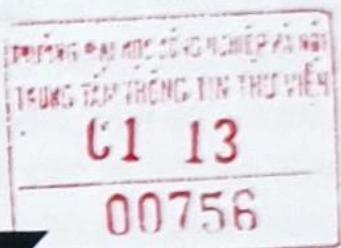


NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

TỦ SÁCH KIẾN THỨC CƠ SỞ VỀ ĐIỆN TỬ VIỄN THÔNG

02. SỐ

Viba số



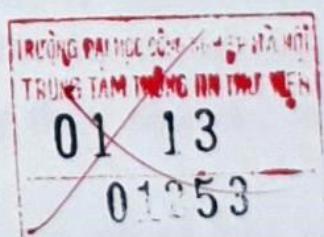
TẬP 2

(TÁI BẢN LẦN 5)

Chủ biên: TS. Bùi Thiện Minh

Biên dịch: TS. Trần Hồng Quân

KS. Trần Hoàng Lương



NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Bộ sách “*Viba số*” gồm 2 tập do Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông (trước đây là Nhà xuất bản Bưu điện) xuất bản năm 1993, tái bản năm 2000, 2002, 2006 và 2008 đã cung cấp những kiến thức rất cơ bản về lý thuyết truyền dẫn tín hiệu số, thiết kế tuyến, thiết bị viba số... đồng thời cũng cho thấy tầm quan trọng trong việc thiết kế một hệ thống vô tuyến chuyển tiếp số - viba số. Cuốn sách là cầu nối thực tế giữa lý thuyết với thực tiễn về các hệ thống viba số và các hệ thống số hiện có; là tài liệu bổ ích và thiết thực cho các nhà quản lý, các cán bộ kỹ thuật, khai thác, vận hành và bảo dưỡng các thiết bị viba số, đặc biệt là sinh viên chuyên ngành Điện tử Viễn thông ở các trường Đại học. Bộ sách đã được đông đảo bạn đọc nhiệt tình đón nhận và góp nhiều ý kiến quý báu bổ sung những phần còn khiếm khuyết.

Để đáp ứng yêu cầu tham khảo, nghiên cứu của bạn đọc, nay Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông tái bản lần thứ 5 bộ sách “*Viba số*”. Tập 1 gồm 6 chương: chương 1 giới thiệu các hệ thống số, chương 2 nói về bộ mã hóa/bộ giải mã nguồn sử dụng điều xung mã (PCM) và các kỹ thuật liên quan đến PCM, chương 3 ghép kênh số trình bày liên kết các luồng số từ các nguồn khác nhau bằng phương tiện xử lý ghép kênh số, chương 4 giới thiệu về rung pha và trôi trong các mạng số, chương 5 xử lý tín hiệu băng gốc và chương 6 trình bày về điều chế số và giải điều chế số, tập 2 gồm 5 chương từ chương 7 đến chương 11: chương 7 trình bày các hệ thống viba số và các chỉ tiêu chất lượng, chương 8 trình bày về truyền sóng và các kênh pha định, chương 9 là kỹ thuật tuyến vô tuyến tầm nhìn thẳng, chương 10 trình bày về nhiễu và phân bố tần số, chương cuối cùng (chương 11) giới thiệu về các thiết bị viba số và đo thử hệ thống.

Hy vọng cuốn sách này sẽ đáp ứng được nhu cầu và hữu ích với bạn đọc quan tâm.

Các ý kiến đóng góp của bạn đọc xin gửi về Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông, 18 Nguyễn Du, Hà Nội.

Xin trân trọng cảm ơn!

NXB THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

MỤC LỤC

| | |
|--|----|
| Lời Nhà xuất bản | 5 |
| CHƯƠNG 7: CÁC HỆ THỐNG VIBA SỐ VÀ CÁC CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG | 7 |
| 7.1 So sánh với các hệ thống FDM - FM | 7 |
| 7.2 Các chỉ tiêu đặc trưng đối với các hệ thống viba số | 11 |
| 7.2.1 Tỷ số lỗi thấp | 12 |
| 7.2.2 Tỷ số lỗi cao | 12 |
| 7.2.3 Chỉ tiêu không lỗi (EFS) trong một thời gian dài | 13 |
| 7.2.4 Chỉ tiêu đột biến lỗi | 13 |
| 7.3 Các chỉ tiêu đặc tính lỗi | 13 |
| 7.3.1 Đường truyền số chuẩn giả định (HRDP) (Khuyến nghị 556 của CCIR) | 13 |
| 7.3.2 Các đoạn vô tuyến số (Khuyến nghị 556 của CCIR) | 14 |
| 7.3.3 Các tỷ số lỗi bit cho phép | 14 |
| 7.4 Đặc tính lỗi của một đoạn nối số quốc tế tạo nên một phần của ISDN (Khuyến nghị G821 – CCITT: Các định nghĩa) | 18 |
| 7.4.1 Các chỉ tiêu đặc trưng | 20 |
| 7.4.2 Phân chia toàn bộ các chỉ tiêu | 21 |
| 7.4.3 Diễn giải các chỉ tiêu đặc tính lỗi đối với mạch nối ISDN quốc tế | 25 |
| 7.4.4 Ví dụ nghiên cứu tư liệu giới thiệu trong mục 7.4 | 26 |
| 7.5 Tính khả dụng | 29 |
| 7.5.1 Các nguyên nhân không khả dụng | 32 |
| 7.5.2 Chỉ tiêu khả dụng từ đầu cuối này đến đầu cuối kia | 32 |
| 7.5.3 Sự phân chia thành từng phần không khả dụng | 33 |
| 7.5.4 Đặc tính lỗi và các chỉ tiêu khả dụng đối với các hệ thống viba số bậc nội hạt | 34 |
| 7.6 Đặc tính các giây không lỗi | 35 |
| 7.6.1 Phân bố nhị thức | 36 |
| 7.6.2 Các dạng của F(E) | 38 |

| | |
|--|------------|
| 7.6.3 Đặc tính %EFS trong các tuyến nhiều đoạn | 40 |
| 7.7 Đo lỗi | 41 |
| 7.7.1 Tiêu chuẩn cơ bản để đánh giá đặc tính lỗi bit | 41 |
| 7.7.2 Đo đặc tính lỗi trong các điều kiện không điều hành nghiệp vụ | 45 |
| 7.7.3 Đo đặc tính lỗi trong các điều kiện công tác | 46 |
| 7.7.4 Các thiết bị giám sát đặc tính (PMU) | 48 |
| 7.7.5 Các hoạt động bảo dưỡng tập trung | 49 |
| 7.8 Các chỉ tiêu độ tin cậy | 51 |
| 7.8.1 Độ dư đơm | 54 |
| 7.9 Các chuyển mạch bảo vệ | 56 |
| 7.9.1 Các yếu tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn tiêu chuẩn chuyển mạch | 56 |
| 7.9.2 Sự bố trí sắp xếp bảo vệ | 56 |
| Bài tập | 57 |
| CHƯƠNG 8: TRUYỀN SÓNG VÀ CÁC KÊNH PHA ĐỊNH | 59 |
| 8.1 Mở đầu | 59 |
| 8.2 Cơ sở về sóng vô tuyến | 59 |
| 8.2.1 Các loại sóng đất | 60 |
| 8.2.2 Các chế truyền sóng | 61 |
| 8.2.3 Cơ sở truyền sóng | 90 |
| 8.3 Pha định | 97 |
| 8.3.1 Pha định phản xạ đất | 98 |
| 8.3.2 Pha định nhiều tia hoặc pha định Rayleigh | 101 |
| 8.3.3 Pha định lựa chọn | 109 |
| 8.3.4 Các ảnh hưởng của pha định nhiều tia | 134 |
| 8.3.5 Kỹ thuật để giảm các ảnh hưởng của pha định nhiều tia đến gián đoạn thông tin | 137 |
| 8.4 Tiêu hao do mưa | 152 |
| 8.4.1 Tháng xấu nhất | 153 |
| 8.4.2 Các khái niệm cơ bản | 153 |
| 8.4.3 Các phương pháp dự đoán | 156 |
| 8.4.4 Ảnh hưởng vòm che âm ướt đến các số liệu tiêu hao do mưa | 161 |

| | |
|--|------------|
| 8.4.5 Các ảnh hưởng của mưa đến các hệ thống phân cực trực giao | 162 |
| 8.4.6 Tán xạ do mưa | 164 |
| 8.4.7 Các kỹ thuật để giảm các ảnh hưởng của tiêu hao do mưa | 165 |
| 8.5 Hấp thụ của các chất khí | 165 |
| 8.6 Tính toán chỉ tiêu chất lượng của hệ thống | 167 |
| Bài tập | 168 |
| CHƯƠNG 9: KỸ THUẬT VÔ TUYẾN TẦM NHÌN THẮNG | 171 |
| 9.1 Các loại tính toán | 171 |
| 9.1.1 Các tính toán đường truyền | 171 |
| 9.1.2 Các tính toán chỉ tiêu chất lượng | 171 |
| 9.1.3 Các tính toán nhiễu (giao thoa) | 172 |
| 9.2 Các tính toán đường truyền | 172 |
| 9.2.1 Các mặt cắt nghiêng của đường truyền | 172 |
| 9.2.2 Các tham số sử dụng trong tính toán đường truyền | 183 |
| 9.3 Các tính toán chỉ tiêu chất lượng | 198 |
| 9.4 Các tính toán khả năng sử dụng | 201 |
| Bài tập | 209 |
| CHƯƠNG 10: NHIỄU VÀ PHÂN BỐ TẦN SỐ | 211 |
| 10.1 Khái niệm | 211 |
| 10.1.1 Các nguồn và hiệu ứng nhiễu RF | 215 |
| 10.1.2 Điều chỉnh suy hao | 219 |
| 10.1.3 Tính chất nhiễu của các hệ thống viba số | 220 |
| 10.2 Chọn tần số trung tâm đối với hệ thống vô tuyến chuyển tiếp số dung lượng lớn | 224 |
| 10.3 Khái niệm về sắp xếp tần số siêu cao và các tính toán về nhiễu | 225 |
| 10.3.1 Tính toán nhiễu để phối hợp sắp xếp | 226 |
| 10.3.2 Giải thích các phép tính | 229 |
| 10.4 Các phương pháp chống nhiễu | 249 |
| 10.4.1 Sử dụng những màn chắn đặc biệt để tăng tính loại trừ nhiễu trong các tuyến viba (báo cáo 831 CCIR) | 250 |

| | |
|--|-----|
| 10.4.2 Sử dụng những bộ gạt nhiễu (báo cáo 830 CCIR) | 251 |
| 10.4.3 Phân cách tần số là một biện pháp chống nhiễu kênh lân cận | 252 |
| 10.5 Phổ phát xạ và các đường cong độ chọn lọc máy thu | 253 |
| 10.5.1 Phát xạ giả | 254 |
| 10.5.2 Công suất bức xạ đẳng hướng tương đương (EIRP) | 255 |
| 10.5.3 Phổ phát xạ | 255 |
| 10.5.4 Các hệ số phát xạ cho phép cực đại CFR | 256 |
| 10.6 Chọn tần số vô tuyến và sử dụng phổ | 256 |
| 10.7 Các bảng tần số | 259 |
| CHƯƠNG 11: THIẾT BỊ VIBA SỐ VÀ ĐO THỦ HỆ THỐNG | 263 |
| 11.1 Mở đầu | 263 |
| 11.2 Mạch máy phát | 265 |
| 11.2.1 Mạch băng gốc máy phát | 266 |
| 11.2.2 Bộ điều chế 16-QAM | 268 |
| 11.2.3 Bộ đổi tần trên, bộ khuếch đại và bộ lọc nhánh của máy phát | 269 |
| 11.3 Mạch máy thu | 270 |
| 11.3.1 Các mạch thu RF | 271 |
| 11.3.2 Các mạch băng gốc máy thu | 272 |
| 11.3.3 Tổ hợp bit băng gốc | 275 |
| 11.4 Đo thử tuyến viba số | 277 |
| 11.4.1 Mở đầu | 277 |
| 11.4.2 Các phương pháp đo C/N | 278 |
| 11.4.3 Đo tại trạm | 281 |
| 11.4.4 Đo đầu cuối này đến đầu cuối kia | 290 |
| Phụ lục | 297 |
| Các định nghĩa của một số hàm | 300 |
| Một số thuật ngữ | 301 |
| Tài liệu tham khảo | 317 |